

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 172 /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 10 năm 2019

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 28/11/2012; Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân”;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 264/GP-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Năm Dững tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân của Công ty TNHH Năm Dững;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân của Công ty TNHH Năm Dững;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Năm Dững tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đề ngày 10/6/2019 (kèm theo hồ sơ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1073/TTr-STNMT ngày 21/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Năm Dững được khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 40.040 m²; trong đó, khu vực khai thác là 28.181 m², được giới hạn bởi các điểm góc 1, 4, 3, 7, 8, 9 và 13; khu vực vực khai trường 1 là 3.759 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 3 đến 6; khu vực vực khai trường 2 là 7.300 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 9 đến 13; khu vực khai trường 3 là 800 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 17 đến 20 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Trữ lượng địa chất: 790.848 m³; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 540.617 m³; đất làm vật liệu san lấp là 42.012 m³;

- Trữ lượng khai thác: 570.629 m³; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 528.617 m³; đất làm vật liệu san lấp là 42.012 m³;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 50.000 m³/năm;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Mức sâu khai thác: Đến cos +50 m;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường;

- Vị trí, ranh giới khu mỏ được xác định theo trích lục Bản đồ số 620/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 15/10/2019;

- Thời hạn khai thác: 11 năm 9 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mở là 04 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Điều 2. Công ty TNHH Năm Dững có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Lập hồ sơ thuê đất, nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của dự án đầu tư khai thác đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 264/GP-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh.

Hoạt động khai thác mỏ theo Giấy phép này, Công ty TNHH Năm Dững chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Công ty TNHH Năm Dững;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT;
- UBND huyện Thường Xuân;
- UBND xã Xuân Cao;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ XUÂN CAO, HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số : ~~172~~ /GP-UBND
ngày ~~28~~ tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 28.181 m ²	1	2194 731.00	540 257.00
	4	2194 772.00	540 285.00
	3	2194 676.00	540 466.00
	7	2194 636.00	540 551.00
	8	2194 552.91	540 522.58
	9	2194 589.11	540 424.98
	13	2194 615.01	540 340.23
Khu vực khai trường 1 3.759 m ²	3	2194 676.00	540 466.00
	4	2194 772.00	540 285.00
	5	2194 790.00	540 297.00
	6	2194 689.00	540 474.00
Khu vực khai trường 2 7.300 m ²	9	2194 589.11	540 424.98
	10	2194 497.85	574 382.95
	11	2194 543.01	540 326.92
	12	2194 576.73	540 317.31
	13	2194 615.01	540 340.23
Khu vực khai trường 3 800 m ²	17	2194 785.69	540 034.86
	18	2194 809.95	540 018.73
	19	2194 794.72	539 995.62
	20	2194 770.94	540 010.96
Diện tích mỏ: 40.040 m²			